

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 63



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đã đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 09 tháng 12 năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 146 ngày 09 tháng 12 năm 2017, Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa ống nhựa, phụ kiện PPR, PVC, HDPE và các sản phẩm bao bì HDPE.

Trụ sở chính: Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là: 500.092.720.000 đồng (Năm trăm tỷ không trăm chín mươi hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 16 ngày 09 tháng 12 năm 2017, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa;
- Sản xuất diêm quẹt;
- Sản xuất sản phẩm may mặc xuất khẩu;
- Sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ mới;
- Xây dựng nhà lắp ghép, xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất của doanh nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình nước, cấp thoát nước;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa; Dịch vụ du lịch; Đại lý bưu điện.

**2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 08/04/2017
Ông Trần Hữu Chuyên	Phó chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/04/2017
Ông Ngô Đức Vũ	Phó chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 31/07/2017
Ông Trần Anh Vương	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/04/2017
Ông Phạm Huy Cương	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/04/2017
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/04/2017
Bà Phan Thị Thu Thảo	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/04/2017
Ông Mai Thế Khôi	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/04/2017

**Ban kiểm soát**

Bà Trần Minh Trang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 08/04/2017
Ông Mai Hữu Đạt	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 08/04/2017
Ông Phùng Quang Việt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/04/2017
Ông Trịnh Kiên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/04/2017
Bà Lương Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/04/2017
Bà Bùi Thị Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/04/2017

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Ngô Đức Vũ	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/07/2017
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/07/2017
Bà Phan Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/09/2017
Ông Trần Hữu Chuyên	Phó Tổng Giám đốc	

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Đình Độ                      Chủ tịch HĐQT

Ông Vũ Đình Độ đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Hiếu ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 theo Quyết định số 46A/2017/QĐ-DNP ngày 31 tháng 7 năm 2017.

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính hợp nhất vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

### **7. Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



---

**Nguyễn Văn Hiếu**  
**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Số: 178/2018/BCKTHN-PB.00020

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, được lập ngày 28/03/2018, từ trang 05 đến trang 63, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**LÊ VIỆT CƯỜNG**

Phó Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 2478-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

**PHẠM TUẤN VŨ**

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 2030-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.409.848.479.830</b>	<b>898.455.742.195</b>
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	307.873.206.677	154.838.423.715
1. Tiền	111		164.659.383.658	132.642.385.258
2. Các khoản tương đương tiền	112		143.213.823.019	22.196.038.457
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	102.904.908.165	19.622.200.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		64.650.000.000	1.399.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(231.800.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		38.254.908.165	18.455.000.000
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		636.129.663.319	385.259.763.468
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	340.343.097.622	317.193.910.698
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	278.724.673.704	51.460.311.880
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	810.000.000	32.297.314.606
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	54.558.483.237	20.804.231.195
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(38.306.591.244)	(36.496.004.911)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.8	314.352.967.333	305.354.892.565
1. Hàng tồn kho	141		318.492.689.331	307.736.710.475
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.139.721.998)	(2.381.817.910)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		48.587.734.336	33.380.462.447
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13	11.086.155.850	3.055.449.626
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		35.608.121.344	25.331.229.140
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.17	1.893.457.142	4.993.783.681
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.442.802.258.291</b>	<b>1.620.012.661.415</b>
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		25.105.740.884	14.258.104.132
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	25.105.740.884	14.258.104.132
II/ Tài sản cố định	220		1.690.763.833.148	1.197.703.915.179
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.425.144.449.995	1.072.644.347.477
- Nguyên giá	222		2.040.640.428.768	1.578.816.468.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(615.495.978.773)	(506.172.120.746)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	226.825.032.285	95.059.647.472
- Nguyên giá	225		283.373.692.658	139.384.177.507
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(56.548.660.373)	(44.324.530.035)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	38.794.350.868	29.999.920.230
- Nguyên giá	228		43.762.402.668	34.276.845.218
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.968.051.800)	(4.276.924.988)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		145.980.309.279	67.581.174.237
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	145.980.309.279	67.581.174.237
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	218.772.691.397	144.246.752.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		100.733.001.397	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		113.039.690.000	141.246.752.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.000.000.000	3.000.000.000
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		362.179.683.583	196.222.715.867
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	30.069.618.696	9.306.394.682
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.21	-	326.675.799
3. Lợi thế thương mại	269	5.14	332.110.064.887	186.589.645.386
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.852.650.738.121</b>	<b>2.518.468.403.610</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.884.224.897.351</b>	<b>1.963.758.746.032</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.291.620.341.069</b>	<b>874.784.665.857</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	108.063.763.331	69.522.175.440
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	6.586.739.594	7.912.260.634
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	4.705.061.517	6.912.817.991
4. Phải trả người lao động	314		12.643.813.693	19.668.827.679
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	12.346.505.793	6.543.956.407
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	80.268.733.603	9.200.297.706
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	1.064.565.499.167	751.879.335.041
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.440.224.371	3.144.994.959
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.592.604.556.282</b>	<b>1.088.974.080.175</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	575.421.179.569	316.668.910.279
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	963.051.953.212	743.502.770.578
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.21	54.131.423.501	28.802.399.318
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>968.425.840.770</b>	<b>554.709.657.578</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.22</b>	<b>968.425.840.770</b>	<b>554.709.657.578</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.092.720.000	300.056.240.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.092.720.000	300.056.240.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.002.900.000	29.155.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.757.228.445	15.794.216.721
4. Cổ phiếu quỹ	415		(342.000)	(342.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		726.040.131	2.746.814.635
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		138.581.969.225	86.136.965.208
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.809.808.786	4.536.730.384
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		123.772.160.439	81.600.234.824
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		287.265.324.969	120.820.763.014
<b>III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.852.650.738.121</b>	<b>2.518.468.403.610</b>



Nguyễn Văn Hiếu  
 Tổng Giám đốc  
 Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Hoàng Anh Tuấn  
 Kế toán trưởng

Trần Thái Sơn  
 Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.506.803.072.391	1.457.205.085.950
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	2.042.711.558	2.502.017.744
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.504.760.360.833	1.454.703.068.206
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	1.215.175.888.085	1.121.391.704.262
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		289.584.472.748	333.311.363.944
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	114.154.118.572	9.338.829.047
7. Chi phí tài chính	22	6.5	123.407.482.056	70.320.556.967
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		118.151.321.013	66.127.619.537
8. Lợi nhuận (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	24		8.719.402.463	(3.385.529.434)
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	67.769.857.716	47.063.462.203
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	132.200.222.021	114.109.353.980
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		89.080.431.990	107.771.290.407
12. Thu nhập khác	31	6.8	7.349.869.216	9.680.422.902
13. Chi phí khác	32	6.9	9.430.106.283	2.501.683.575
14. Lợi nhuận khác	40		(2.080.237.067)	7.178.739.327
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		87.000.194.923	114.950.029.734
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	16.691.041.118	19.943.167.183
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	(2.191.353.993)	(1.420.634.013)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		72.500.507.798	96.427.496.564
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		83.349.319.194	86.349.755.611
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(10.848.811.396)	10.077.740.953
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12	1.957	2.864
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.13	1.957	2.864



Nguyễn Văn Hiếu  
Tổng Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Hoàng Anh Tuấn  
Kế toán trưởng

Trần Thái Sơn  
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	87.000.194.923	114.950.029.734
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	159.919.842.259	84.942.262.312
- Các khoản dự phòng	03	3.336.690.421	11.324.211.761
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(482.361.601)	663.559.447
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(122.043.285.278)	(10.150.430.662)
- Chi phí lãi vay	06	118.151.321.013	66.127.619.537
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	245.882.401.737	267.857.252.129
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(65.771.257.565)	(44.329.559.613)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(10.766.305.993)	(124.302.703.397)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	106.188.897.995	(1.367.792.341)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(28.759.628.071)	(5.034.205.420)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(63.251.000.000)	5.651.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(119.512.037.635)	(74.770.343.274)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(13.860.259.617)	(23.512.784.644)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(353.140.541)	(3.296.934.754)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	49.797.670.310	(3.106.071.314)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(531.499.474.300)	(219.271.056.330)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.771.139.215	35.415.397.627
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(45.634.674.651)	(82.571.584.373)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	57.822.081.092	41.802.559.828
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(526.557.929.958)	(256.202.923.286)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	425.177.161.012	110.766.492.040
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.787.941.709	5.043.005.985
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(609.133.755.881)	(365.018.108.509)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	321.567.819.650	123.211.780.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	2.076.507.897.934	1.543.447.221.973
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.622.820.551.499)	(1.225.092.784.769)
4. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(59.856.636.349)	(33.088.296.931)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.876.543.300)	(3.731.770.960)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>712.521.986.436</b>	<b>404.746.149.313</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	153.185.900.865	36.621.969.490
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	154.838.423.715	117.919.781.424
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(151.117.903)	296.672.801
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>307.873.206.677</b>	<b>154.838.423.715</b>



Nguyễn Văn Hiếu  
 Tổng Giám đốc  
 Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Hoàng Anh Tuấn  
 Kế toán trưởng

Trần Thái Sơn  
 Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Công ty) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đã đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 09 tháng 12 năm 2017.

Trụ sở chính: Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là: 500.092.720.000 đồng (Năm trăm tỷ không trăm chín mươi hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ kiện PPR, PVC, HDPE và các sản phẩm bao bì HDPE.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 16 ngày 09 tháng 12 năm 2017, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa;
- Sản xuất diêm quẹt;
- Sản xuất sản phẩm may mặc xuất khẩu;
- Sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ mới;
- Xây dựng nhà lắp ghép, xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình điện; Xây dựng công trình thủy lợi;
- Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất của doanh nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp; Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình nước, cấp thoát nước;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa;
- Dịch vụ du lịch;
- Đại lý bưu điện./.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong năm 2017, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP (DNP Water) theo Nghị quyết HĐQT số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 21/04/2017. Vốn điều lệ của DNP Water tại 31/12/2017 là 950 tỷ đồng trong đó, Công ty sở hữu trực tiếp 78,89% tương đương 749,5 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú – Công ty con của Công ty sở hữu 0,05% tương đương 0,5 tỷ đồng.

Với mục đích tái cơ cấu lại các khoản đầu tư để phục vụ quản trị, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ 2.050.323 cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm và 2.489.777 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An cho Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP (DNP Water). Công ty đồng thời cũng chuyển nhượng một phần vốn góp tại Công ty Cổ phần đầu tư Hạ tầng nước DNP – Bắc Giang với số lượng 194.090 cổ phần cho DNP Water.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty cũng đã chuyển nhượng 3.990.000 cổ phần tương ứng 49,88% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bình Hiệp cho Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP trong tháng 5/2017. Tháng 8/2017, Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP đã mua bổ sung cổ phiếu nâng sở hữu lên 70,77% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bình Hiệp.

Ngoài ra, trong tháng 10/2017, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai cùng các cổ đông khác thành lập Công ty CP Quản lý Đầu tư DNP với tỷ lệ sở hữu tạm thời 42,43% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai không có mục đích nắm giữ lâu dài khoản đầu tư này do vậy, Công ty phân loại khoản đầu tư này là chứng khoán kinh doanh.

Ngoài hoạt động nêu trên, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.

## 1.6 Cấu trúc Công ty

### Các chi nhánh

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hạch toán kế toán</i>
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Đồng Nai tại Hà Nội	Tầng 10 – Toàn nhà HTP – 434 Trần Khát Chân – Hai Bà Trưng – Hà Nội	Hạch toán phụ thuộc

### Các Công ty con sở hữu trực tiếp

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích tại 31/12/17</i>
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung	Lô 06 – KCN Điện Nam – Điện Ngọc - Quảng Nam	Sản xuất và kinh doanh ống nước	99,33%	99,33%
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	314 Lũy Bán Bích, Q. Tân Phú, Tp. HCM	Sản xuất & kinh doanh nhựa công nghiệp	72,65%	72,65%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Tiền Giang	Số 1 – Đường Ngô Quyền – Tp Mỹ Tho – Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	70%	70%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Bắc Giang (*)	Tầng 4 – Tòa nhà Viettel – Lô 4A Hoàng Văn Thụ - P. Xương Giang - Tp. Bắc Giang – T. Bắc Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	93,63%	84,65%
Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Tầng 4 – Tòa nhà Viettel – Lô 4A Hoàng Văn Thụ - P. Xương Giang - Tp. Bắc Giang.	Đầu tư vào các Công ty nước sạch	78,95%	78,93%

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Các Công ty con sở hữu gián tiếp**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại 31/12/17
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An	Áp 7 - Xã Nhị Thành – Huyện Thủ Thừa – Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	81%	74,68%
Công ty Cổ phần Bình Hiệp	A25-26 KDC Kênh Bàu, Tp. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	70,77%	55,86%
Công ty Cổ phần Nhà máy Nước Đồng Tâm	Áp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	52,68%	41,58%

**Các Công ty liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại 31/12/17
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào (*)	Đường số 9, bản Huội San, huyện Xê Pôn, tỉnh Savannakhet, Lào	Sản xuất và kinh doanh nhựa phế liệu	43,42%	31,54%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	137 Lê Hồng Phong – Thành phố Phan Thiết – Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	26,21%	14,64%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (**)	250 Hùng Vương, P.4, TP.Tân An, Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	37,16%	31,92%

(\*) Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào là Công ty liên kết của Công ty CP Nhựa Tân Phú – Công ty con của Công ty. Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào đã ngừng hoạt động từ 31/12/2016.

(\*\*) Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP – Công ty con của Công ty đã thực hiện mua 3.027.440 cổ phiếu của Công ty CP Cấp thoát nước Long An trong tháng 6/2017 và Công ty đã mua 1.505.000 cổ phiếu Công ty CP Cấp thoát nước Long An ngày 29/08/2017.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

Công ty thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

##### **Các công ty con**

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

##### **Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập đến ngày 31/12/2017.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

#### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo phương pháp giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

### Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

#### Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

## THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

### *Chi phí khác*

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động.... Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

#### 4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

#### 4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07

#### 4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).
- Quyền sử dụng đất giao không thời hạn không thực hiện trích khấu hao.

##### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

#### 4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 4.14 Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chi phí phát hành trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

#### 4.15 Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác của chủ sở hữu là các khoản vốn góp của chủ sở hữu tại các công ty tăng từ các nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần và các nguồn quỹ khác.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### 4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

#### 4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.18 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

#### **4.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

- Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trong thời hạn 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại Long An được miễn thuế 2 năm (năm 2012, 2013) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (năm 2014 đến năm 2017), nhưng Chi nhánh chỉ được hưởng ưu đãi nêu trên cho thời gian ưu đãi còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015 theo Công văn số 2579/CT\_TTHT ngày 21/12/2015 của Cục thuế tỉnh Long An về việc ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp.
- Công ty Cổ phần Bình Hiệp được hưởng ưu đãi thuế suất 10% cho toàn bộ thời gian hoạt động.

##### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

### **4.20 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **4.21 Công cụ tài chính**

#### **Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### **4.22 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	5.019.240.286	6.393.876.546
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	159.640.143.372	126.075.999.888
<i>Tiền gửi VND</i>	<i>140.942.226.149</i>	<i>119.655.809.194</i>
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	<i>18.697.917.223</i>	<i>6.420.190.694</i>
Tiền đang chuyển	-	172.508.824
Các khoản tương đương tiền	143.213.823.019	22.196.038.457
<b>Cộng</b>	<b><u>307.873.206.677</u></b>	<b><u>154.838.423.715</u></b>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	824.530,27	18.687.996.029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - EUR	365,96	9.921.194
<b>Cộng</b>		<b><u>18.697.917.223</u></b>

Các khoản tiền gửi được sử dụng ký quỹ làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Giá trị tiền gửi ký quỹ bảo đảm cho các hợp đồng vay và thuê tài chính	13.523.450.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam KCN Biên Hòa	12.990.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam - CN HCM	533.450.000	-

Chi tiết các khoản tương đương tiền:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng <1>	66.482.835.820	22.196.038.457
Trái phiếu Home direct 2016	76.730.987.199	-
<b>Cộng</b>	<b><u>143.213.823.019</u></b>	<b><u>22.196.038.457</u></b>

<1> Bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa với số tiền là 5.000.000.000 đồng được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho hợp đồng vay ngắn hạn tại Ngân hàng này.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**5.2.1 Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
<b>Cổ phiếu</b>	<b>64.650.000.000</b>	<b>-</b>	<b>64.650.000.000</b>	<b>1.399.000.000</b>	<b>(231.800.000)</b>	<b>1.167.200.000</b>
Công ty CP Xây dựng và Cấp thoát nước số 12	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Công ty CP Nhựa Việt Nam			-	399.000.000	(231.800.000)	167.200.000
Công ty CP Quản lý Đầu tư DNP	63.650.000.000	-	63.650.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>64.650.000.000</b>	<b>-</b>	<b>64.650.000.000</b>	<b>1.399.000.000</b>	<b>(231.800.000)</b>	<b>1.167.200.000</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tại ngày đầu năm	(231.800.000)	(200.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(31.800.000)
Hoàn nhập dự phòng	231.800.000	-
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>(231.800.000)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 5.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>38.254.908.165</b>	<b>38.254.908.165</b>	<b>18.455.000.000</b>	<b>18.455.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng (*)	38.254.908.165	38.254.908.165	18.455.000.000	18.455.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Các khoản đầu tư khác	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>43.254.908.165</b>	<b>43.254.908.165</b>	<b>21.455.000.000</b>	<b>21.455.000.000</b>

(\*) Giá trị các khoản tiền gửi được sử dụng bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn, dài hạn là 16.585.237.531 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>100.733.001.397</b>	-	<b>100.733.001.397</b>	-	-	-
Công ty CP Cấp thoát nước Long An (i)	67.160.192.681	-	67.160.192.681	-	-	-
Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận (ii)	33.572.808.716	-	33.572.808.716	-	-	-
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào (iii)	-	-	-	-	-	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>113.039.690.000</b>	-	<b>113.039.690.000</b>	<b>141.246.752.000</b>	-	<b>141.246.752.000</b>
Tổng Công ty Đầu tư Nước và môi trường Việt Nam - CTCP	5.130.600.000	-	5.130.600.000	5.130.600.000	-	5.130.600.000
Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế	107.909.090.000	-	107.909.090.000	107.909.090.000	-	107.909.090.000
Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận	-	-	-	28.207.062.000	-	28.207.062.000
<b>Cộng</b>	<b>213.772.691.397</b>	-	<b>213.772.691.397</b>	<b>141.246.752.000</b>	-	<b>141.246.752.000</b>

- (i) Khoản đầu tư vào Công ty CP Cấp thoát nước Long An được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An chưa được kiểm toán.
- (ii) Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận là Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Bình Hiệp – Công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty được phân loại lại so với số đầu năm và ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận chưa được kiểm toán.
- (iii) Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào đã ngừng hoạt động và không còn khả năng thanh toán. Giá trị của khoản đầu tư này được ghi nhận bằng 0 dựa trên các yếu tố rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thông tin bổ sung cho các khoản đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2017			01/01/2017		
	Số lượng CP	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Số lượng CP	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>						
Công ty CP Cấp thoát nước Long An	4.532.440	37,15%	31,92%	-	-	-
Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận	2.089.412	26,21%	14,64%	2.089.412	26,21%	14,07%
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào	-	43,42%	31,54%	-	43,42%	31,21%
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>						
Tổng Công ty Đầu tư Nước và môi trường Việt Nam - CTCP	503.000	0,87%	0,87%	503.000	0,87%	0,87%
Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế	10.790.909	12,32%	12,32%	10.790.909	12,32%	12,32%

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác hiện đang được sử dụng để thế chấp, bảo lãnh cho các hợp đồng vay ngắn hạn như sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	4.469.750	4.469.750
Tổng Công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP	503.000	503.000
Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm	2.050.323	2.050.323
Công ty Cổ phần Bình Hiệp	3.033.832	3.033.832
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	4.744.169	4.744.169

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.3 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khách hàng**

**5.3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	2.236.317.729	(2.236.317.729)	2.236.317.729	(2.236.317.729)
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>				
Công ty CP Xây dựng số 5	21.401.610.384	(13.371.127.269)	21.401.610.384	(10.700.805.192)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	989.278.460	-	10.237.810.020	-
Công ty CP Đầu tư xây lắp dầu khí Duyên Hải	12.122.375.795	-	7.403.607.667	-
Công ty CP Xây dựng Trường Xuân	27.813.991.430	-	13.919.630.417	-
COMCOPLAST	10.442.626.770	-	7.744.477.662	-
Các khách hàng khác	265.336.897.054	(19.412.995.166)	254.250.456.819	(20.272.730.910)
<b>Cộng</b>	<b>340.343.097.622</b>	<b>(35.020.440.164)</b>	<b>317.193.910.698</b>	<b>(33.209.853.831)</b>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn, dài hạn**

**5.4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Trả trước các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	858.746.635	(858.746.635)	858.746.635	(858.746.635)
<b>Trả trước các khách hàng khác</b>				
Taizhou Huangyan Huida Plastic Machinery Co.,Ltd	-	-	11.712.637.275	-
Taizhou Huangyan Yongmao Mould Co.,LTD	2.193.645.982	-	-	-
Các đối tượng khác	275.672.281.087	(27.500.000)	38.888.927.970	(27.500.000)
<b>Cộng</b>	<b>278.724.673.704</b>	<b>(886.246.635)</b>	<b>51.460.311.880</b>	<b>(886.246.635)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.5 Phải thu về cho vay**

**5.5.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	610.000.000	(610.000.000)	610.000.000	(610.000.000)
Các đối tượng khác	200.000.000	-	31.687.314.606	-
<b>Cộng</b>	<b>810.000.000</b>	<b>(610.000.000)</b>	<b>32.297.314.606</b>	<b>(610.000.000)</b>

**5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào - Tiền lãi cho vay	152.404.445	(152.404.445)	152.404.445	(152.404.445)
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào - Tiền tạm ứng vốn	1.637.500.000	(1.637.500.000)	1.637.500.000	(1.637.500.000)
<b>Phải thu các đối tượng khác</b>				
Ký quỹ, ký cược	2.807.236.468	-	9.270.370.632	-
Đặt cọc mua cổ phần	41.508.800.000	-	-	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, phải thu lãi cho vay	3.081.303.366	-	649.750.061	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	3.340.567.262	-	8.051.260.519	-
Phải thu khác	2.030.671.696	-	1.042.945.538	-
<b>Cộng</b>	<b>54.558.483.237</b>	<b>(1.789.904.445)</b>	<b>20.804.231.195</b>	<b>(1.789.904.445)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.6.2 Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	16.651.813.407	-	9.052.609.888	-
Thuế GTGT của TSCĐ thuế tài chính	8.008.429.587	-	4.724.996.354	-
Phải thu khác	445.497.890	-	480.497.890	-
<b>Cộng</b>	<b>25.105.740.884</b>	<b>-</b>	<b>14.258.104.132</b>	<b>-</b>

**5.7 Nợ phải thu khó đòi**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	3.238.237.572	-	3.238.237.572	-
Công ty CP Xây dựng số 5	21.401.610.384	8.030.483.115	21.401.610.384	10.700.805.192
Các đối tượng khác	34.037.578.074	12.340.351.671	32.110.879.408	9.553.917.261
<b>Cộng</b>	<b>58.677.426.030</b>	<b>20.370.834.786</b>	<b>56.750.727.364</b>	<b>20.254.722.453</b>

**5.8 Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	41.994.870.555	-	4.496.629.450	-
Nguyên liệu, vật liệu	160.750.854.748	(35.017.997)	234.850.342.694	-
Công cụ, dụng cụ	11.770.338.970	-	5.433.068.205	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.755.236.639	(2.946.799.913)	9.893.061.803	(2.381.817.910)
Thành phẩm	55.928.171.879	(1.119.496.436)	38.387.372.648	-
Hàng hoá	32.796.163.013	(38.407.652)	11.024.997.232	-
Hàng gửi đi bán	2.497.053.527	-	3.651.238.443	-
<b>Cộng</b>	<b>318.492.689.331</b>	<b>(4.139.721.998)</b>	<b>307.736.710.475</b>	<b>(2.381.817.910)</b>

Giá trị hàng tồn kho luân chuyển được dùng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng tại 31/12/2017 là 190.727.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.9	Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
	<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
	<b>Số dư tại 01/01/2017</b>	<b>405.226.500.526</b>	<b>397.047.537.464</b>	<b>772.633.853.794</b>	<b>3.809.261.281</b>	<b>99.315.158</b>	<b>1.578.816.468.223</b>
	Mua trong kỳ	11.461.073.523	116.801.194.314	6.753.423.300	1.173.535.687	38.000.000	136.227.226.824
	Đầu tư XDCB hoàn thành	53.362.183.752	118.817.291.629	8.808.651.873	-	-	180.988.127.254
	Tăng do đánh giá lại tài sản khi mua Công ty con	97.471.940.877	38.954.300.337	133.103.541.085	-	-	269.529.782.299
	Mua lại TSCĐ TTC	-	32.692.866.793	-	-	-	32.692.866.793
	Phân loại lại nhóm TS	87.978.616	1.230.805.915	(1.318.784.531)	-	-	-
	Thanh lý, nhượng bán	(1.705.438.847)	(14.559.210.119)	(158.314.190)	(101.075.200)	-	(16.524.038.356)
	Bán tái thuê TSCĐ	(2.401.026.000)	(137.628.537.294)	(430.000.000)	(231.148.575)	-	(140.690.711.869)
	Giảm khác	-	(399.292.400)	-	-	-	(399.292.400)
	<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>563.503.212.447</b>	<b>552.956.956.639</b>	<b>919.392.371.331</b>	<b>4.650.573.193</b>	<b>137.315.158</b>	<b>2.040.640.428.768</b>
	<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
	<b>Số dư tại 01/01/2017</b>	<b>112.271.170.003</b>	<b>246.396.077.449</b>	<b>144.857.026.698</b>	<b>2.613.086.283</b>	<b>34.760.313</b>	<b>506.172.120.746</b>
	Khấu hao trong năm	30.238.752.038	40.590.131.582	30.069.094.454	470.888.209	7.296.390	101.376.162.673
	Mua lại TSCĐ TTC	-	20.937.468.360	-	-	-	20.937.468.360
	Phân loại lại nhóm TS	(2.894.138.383)	3.008.563.581	(114.425.198)	-	-	-
	Tăng do mua lại Công ty con	362.880.039	543.131.196	654.701.789	2.241.897	-	1.562.954.921
	Thanh lý, nhượng bán	(1.299.862.886)	(12.464.028.335)	(158.314.190)	(101.075.200)	-	(14.023.280.611)
	Bán tái thuê TSCĐ	-	(231.870.316)	(21.500.000)	-	-	(253.370.316)
	Giảm khác	-	(276.077.000)	-	-	-	(276.077.000)
	<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>138.678.800.811</b>	<b>298.503.396.517</b>	<b>175.286.583.553</b>	<b>2.985.141.189</b>	<b>42.056.703</b>	<b>615.495.978.773</b>
	<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
	<b>Số dư tại 01/01/2017</b>	<b>292.955.330.523</b>	<b>150.651.460.015</b>	<b>627.776.827.096</b>	<b>1.196.174.998</b>	<b>64.554.845</b>	<b>1.072.644.347.477</b>
	<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>424.824.411.636</b>	<b>254.453.560.122</b>	<b>744.105.787.778</b>	<b>1.665.432.004</b>	<b>95.258.455</b>	<b>1.425.144.449.995</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 996.214.678.412 đồng  
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 179.338.239.038 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2017	-	134.117.982.598	5.266.194.909	-	139.384.177.507
Thuê tài chính trong năm	2.401.026.000	171.399.013.686	3.991.092.978	231.148.580	178.022.281.244
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(32.584.401.413)	-	-	(32.584.401.413)
Giảm khác <1>	-	(1.448.364.680)	-	-	(1.448.364.680)
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>2.401.026.000</b>	<b>271.484.230.191</b>	<b>9.257.287.887</b>	<b>231.148.580</b>	<b>283.373.692.658</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số dư tại 01/01/2017	-	43.071.159.722	1.253.370.313	-	44.324.530.035
Khấu hao trong năm	-	33.128.020.816	1.481.942.562	-	34.609.963.378
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(20.937.468.360)	-	-	(20.937.468.360)
Giảm khác <1>	-	(1.448.364.680)	-	-	(1.448.364.680)
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>-</b>	<b>53.813.347.498</b>	<b>2.735.312.875</b>	<b>-</b>	<b>56.548.660.373</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 01/01/2017	-	91.046.822.876	4.012.824.596	-	95.059.647.472
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>2.401.026.000</b>	<b>217.670.882.693</b>	<b>6.521.975.012</b>	<b>231.148.580</b>	<b>226.825.032.285</b>

<1> Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú thực hiện tất toán hợp đồng thuê tài chính số SBL010201607023 với Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng Sài Gòn Thương Tín và các hợp đồng số 84.17.03, 84.17.05, 1 phần hợp đồng 84.17.09 với Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính NHTMCP Ngoại Thương VN - Chi nhánh TP.HCM. Các hợp đồng này được chuyển cho Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai tiếp tục thuê trong thời gian còn lại. Nguyên giá của tài sản cố định thuê tài chính thuê lại được ghi nhận theo giá trị còn lại của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 5.11 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Quyền phát hành VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2017	33.997.845.218	-	-	279.000.000	34.276.845.218
Mua trong năm	544.800.000	-	-	-	544.800.000
Tăng do đánh giá lại giá trị hợp lý khi hợp nhất kinh doanh	8.940.757.450	-	-	-	8.940.757.450
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>43.483.402.668</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>279.000.000</b>	<b>43.762.402.668</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số dư tại 01/01/2017	3.997.924.988	-	-	279.000.000	4.276.924.988
Khấu hao trong năm	691.126.812	-	-	-	691.126.812
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>4.689.051.800</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>279.000.000</b>	<b>4.968.051.800</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 01/01/2017	29.999.920.230	-	-	-	29.999.920.230
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>38.794.350.868</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>38.794.350.868</b>

Giá trị quyền sử dụng đất được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là 37.569.550.868 đồng.

Giá trị tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 279.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2017 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm VND	Kết chuyển giảm khác VND	31/12/2017 VND
Mua sắm TSCĐ	37.539.457.800	112.988.361.660	118.836.894.936	5.891.960.908	25.798.963.616
<i>Máy móc, thiết bị sản xuất nhựa nhập mua chưa nghiệm thu lắp đặt chạy thử</i>	<i>37.539.457.800</i>	<i>112.988.361.660</i>	<i>118.836.894.936</i>	<i>5.891.960.908</i>	<i>25.798.963.616</i>
Xây dựng cơ bản	30.041.716.437	165.632.552.493	65.127.403.322	10.365.519.945	120.181.345.663
<i>Công trình trạm điện</i>	<i>-</i>	<i>1.587.000.000</i>	<i>1.587.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Hệ thống làm mát xường bao bì</i>	<i>-</i>	<i>76.130.000</i>	<i>76.130.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cải tạo xí nghiệp phụ kiện PVC</i>	<i>-</i>	<i>2.825.468.215</i>	<i>2.825.468.215</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cải tạo nhà xường bao bì 3</i>	<i>-</i>	<i>8.305.656.710</i>	<i>8.305.656.710</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Nhà xường tại Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>27.389.074.975</i>	<i>6.525.395.222</i>	<i>33.914.470.197</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Xây dựng nhà xường Bắc Ninh GD 2</i>	<i>-</i>	<i>9.105.692.672</i>	<i>2.084.817.272</i>	<i>-</i>	<i>7.020.875.400</i>
<i>Sửa chữa tại Nhà máy Long An</i>	<i>910.228.650</i>	<i>822.313.500</i>	<i>1.732.542.150</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Nhà máy nước Long An</i>	<i>1.358.046.478</i>	<i>14.512.864.403</i>	<i>-</i>	<i>10.180.576.606</i>	<i>5.690.334.275</i>
<i>Các công trình Nhà máy nước Đồng Tâm</i>	<i>155.211.542</i>	<i>7.596.411.059</i>	<i>4.203.460.910</i>	<i>-</i>	<i>3.548.161.691</i>
<i>Nhà máy nước Bắc Giang</i>	<i>-</i>	<i>103.046.442.896</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>103.046.442.896</i>
<i>Các Công trình khác</i>	<i>229.154.792</i>	<i>11.069.513.183</i>	<i>10.397.857.868</i>	<i>25.278.706</i>	<i>875.531.401</i>
<i>Sửa chữa lớn TSCĐ</i>	<i>-</i>	<i>159.664.633</i>	<i>-</i>	<i>159.664.633</i>	<i>-</i>
	<b>67.581.174.237</b>	<b>278.620.914.153</b>	<b>183.964.298.258</b>	<b>16.257.480.853</b>	<b>145.980.309.279</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.13 Chi phí trả trước**

**5.13.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.309.175.113	1.987.386.437
Chi phí sửa chữa tài sản	522.100.552	-
Các khoản khác	4.254.880.185	1.068.063.189
<b>Cộng</b>	<b>11.086.155.850</b>	<b>3.055.449.626</b>

**5.13.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.067.954.103	5.766.159.945
Chi phí sửa chữa tài sản	1.354.328.604	339.519.241
Chi phí quản lý và phát hành trái phiếu	635.833.331	805.555.556
Chi phí trước hoạt động	10.732.602.400	-
Các khoản khác	2.278.900.258	2.395.159.940
<b>Cộng</b>	<b>30.069.618.696</b>	<b>9.306.394.682</b>

**5.14 Lợi thế thương mại**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi thế thương mại đầu năm	186.589.645.386	23.437.253.135
Lợi thế thương mại tăng trong năm	188.542.001.539	174.749.181.017
Giảm do thoái vốn	(19.531.044.279)	-
Phân bổ lợi thế thương mại	(23.490.537.759)	(11.596.788.766)
Số dư cuối năm	<b>332.110.064.887</b>	<b>186.589.645.386</b>

**Chi tiết số dư cuối năm**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Bình Hiệp	183.828.451.501	20.833.113.898
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Nhựa Tân Phú	49.321.813.374	55.487.040.046
Lợi thế thương mại khi mua Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	98.959.800.012	110.269.491.442
<b>Cộng</b>	<b>332.110.064.887</b>	<b>186.589.645.386</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.15 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn**

**5.15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Sabic Asia Pacific Pte Ltd	30.469.765.290	30.469.765.290	13.074.909.740	13.074.909.740
Công ty TNHH J-Spiral Steel	13.634.921.457	13.634.921.457	-	-
Taizhou Huangyan	-	-	10.167.963.600	10.167.963.600
TOSHIBA MACHINE S. E.	4.518.438.000	4.518.438.000	-	-
Scg Plastics Co., Ltd	3.187.238.400	3.187.238.400	-	-
Itochu Corporation	4.114.125.600	4.114.125.600	3.126.252.250	3.126.252.250
Basell Asia Pacific Ltd	5.509.872.900	5.509.872.900	-	-
Các nhà cung cấp khác	46.629.401.684	46.629.401.684	43.153.049.850	43.153.049.850
<b>Cộng</b>	<b>108.063.763.331</b>	<b>108.063.763.331</b>	<b>69.522.175.440</b>	<b>69.522.175.440</b>

**5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn, dài hạn**

**5.16.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Sản xuất và Thương mại N.I.D	744.710.404	744.710.404	744.710.404	744.710.404
BQL Khai Thác Cung Cấp Nước Sinh Hoạt Huyện Châu Thành - Bến Tre	-	-	494.649.992	494.649.992
Công ty TNHH Phú Nông	659.900.578	659.900.578	-	-
Các khách hàng khác	5.182.128.612	5.182.128.612	6.672.900.238	6.672.900.238
<b>Cộng</b>	<b>6.586.739.594</b>	<b>6.586.739.594</b>	<b>7.912.260.634</b>	<b>7.912.260.634</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 5.17 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu tại 01/01/2017 VND	Số phải nộp tại 01/01/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Ảnh hưởng do thoái vốn	Số phải thu tại 31/12/2017 VND	Số phải nộp tại 31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	2.028.769.466	16.648.599.838	17.969.748.820	(167.197.182)	216.106.765	1.090.924.431
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	64.517.261.979	65.545.888.465	-	1.028.626.486	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	55.721.285	822.550.410	956.665.339	-	142.886.155	64.492.511
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	4.933.585.009	3.911.795.266	16.691.041.118	13.860.259.617	(121.559.008)	459.250.182	2.389.800.948
Thuế thu nhập cá nhân	5.636.776	874.903.194	4.733.845.110	4.441.508.257	31.534.005	7.764.961	1.137.834.227
Thuế tài nguyên	-	41.628.780	277.527.140	297.994.520	(848.000)	-	22.009.400
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	324.331.542	324.331.542	-	-	-
Các loại thuế khác	54.561.896	-	36.739.303	21.000.000	-	38.822.593	-
<b>Cộng</b>	<b>4.993.783.681</b>	<b>6.912.817.991</b>	<b>104.051.896.440</b>	<b>103.417.396.560</b>	<b>(258.070.185)</b>	<b>1.893.457.142</b>	<b>4.705.061.517</b>

(\*) Số dư phải thu tại ngày 31/12/2017 là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.18 Chi phí phải trả**

**5.18.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.056.453.304	3.217.169.926
Chi phí hoa hồng môi giới	49.057.465	1.685.913.522
Cước vận chuyển	1.563.299.778	203.310.909
Chi phí khác	7.677.695.246	1.437.562.050
<b>Cộng</b>	<b>12.346.505.793</b>	<b>6.543.956.407</b>

**5.19 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.19.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.777.583.202	1.777.583.202	1.354.157.893	1.354.157.893
Bảo hiểm xã hội	110.588.563	110.588.563	371.016.902	371.016.902
Bảo hiểm y tế	3.235.668	3.235.668	60.926.845	60.926.845
Bảo hiểm thất nghiệp	266.800	266.800	40.120.901	40.120.901
Cổ tức phải trả	594.438.340	594.438.340	367.513.140	367.513.140
Công ty CP Đầu tư Châu Á	75.000.000.000	75.000.000.000	-	-
Thống Nhất <1>				
Lãi vay phải trả	1.800.000.000	1.800.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Phải trả khác	982.621.030	982.621.030	5.806.562.025	5.806.562.025
<b>Cộng</b>	<b>80.268.733.603</b>	<b>80.268.733.603</b>	<b>9.200.297.706</b>	<b>9.200.297.706</b>

<1> Khoản phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thống nhất là khoản góp vốn nhưng chưa hoàn thiện xong thủ tục tăng vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP tại ngày 31/12/2017. Ngày 30/01/2018, Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP đã hoàn tất tăng vốn lên 1.100 tỷ và chuyển sang ghi nhận khoản này ở vốn góp của chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.19.2 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sacom <i>	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Công ty CP quản lý đầu tư DNP (ii)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
Các đối tượng khác <iii>	197.957.432.000	197.957.432.000	37.273.090.000	37.273.090.000
Đặt cọc làm khuôn sản xuất	1.678.729.025	1.678.729.025	1.708.729.025	1.708.729.025
Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang <iv>	205.735.018.544	205.735.018.544	207.535.018.544	207.535.018.544
Cổ tức phải trả	-	-	15.400.500	15.400.500
Các khoản phải trả khác	50.000.000	50.000.000	136.672.210	136.672.210
<b>Cộng</b>	<b>575.421.179.569</b>	<b>575.421.179.569</b>	<b>316.668.910.279</b>	<b>316.668.910.279</b>

- (i) Khoản vốn nhận hợp tác đầu tư mua cổ phần phát hành cho cổ đông chiến lược trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 08/2016/HĐ-DNP ngày 25/11/2016. Thời gian hợp tác đầu tư không quá 06 năm kể từ ngày ký hợp đồng.
- (ii) Khoản vốn nhận hợp tác đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Quản lý đầu tư DNP. Thời gian hợp tác đầu tư không quá 06 năm kể từ ngày ký hợp đồng
- (iii) Khoản vốn nhận hợp tác đầu tư theo các hợp đồng hợp tác đầu tư với các đối tượng khác. Thời gian hợp tác đầu tư không quá 06 năm kể từ ngày ký hợp đồng.
- (iv) Khoản lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam gồm các khoản lãi vay chưa trả đến 31/12/2015 được gia hạn trả dần đến năm 2028 theo hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 06/2015/HĐSDBS – NHPT ngày 31/12/2015. Khoản lãi đến hạn trả trong năm 2018 là 1.800.000.000 đồng được trình bày trên khoản phải trả ngắn hạn khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 5.20 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

#### 5.20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>1&gt; Vay ngắn hạn</b>	<b>814.553.376.327</b>	<b>814.553.376.327</b>	<b>1.680.327.751.193</b>	<b>1.535.636.517.193</b>	<b>669.862.142.327</b>	<b>669.862.142.327</b>
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	534.780.745.831	534.780.745.831	984.561.139.024	956.536.872.780	506.756.479.587	506.756.479.587
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	218.276.547.350	218.276.547.350	509.733.168.531	415.371.283.889	123.914.662.708	123.914.662.708
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	61.496.083.146	61.496.083.146	186.033.443.638	163.728.360.524	39.191.000.032	39.191.000.032
<b>2&gt; Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>97.545.465.109</b>	<b>97.545.465.109</b>	<b>100.629.454.746</b>	<b>60.022.552.759</b>	<b>56.938.563.122</b>	<b>56.938.563.122</b>
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	23.821.623.188	23.821.623.188	36.294.475.646	13.586.449.320	1.113.596.862	1.113.596.862
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	9.300.841.921	9.300.841.921	7.756.841.921	12.280.966.260	13.824.966.260	13.824.966.260
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	2.425.000.000	2.425.000.000	5.080.137.179	2.655.137.179	-	-
Tại Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	61.998.000.000	61.998.000.000	51.498.000.000	31.500.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000
<b>3&gt; Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả</b>	<b>52.741.657.731</b>	<b>52.741.657.731</b>	<b>61.163.200.343</b>	<b>33.500.172.204</b>	<b>25.078.629.592</b>	<b>25.078.629.592</b>
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	14.437.259.949	14.437.259.949	14.437.259.949	6.469.691.516	6.469.691.516	6.469.691.516
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	38.304.397.782	38.304.397.782	46.725.940.394	27.030.480.688	18.608.938.076	18.608.938.076
<b>5&gt; Trái phiếu đến hạn trả</b>	<b>99.725.000.000</b>	<b>99.725.000.000</b>	<b>99.725.000.000</b>	-	-	-
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	99.725.000.000	99.725.000.000	99.725.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.064.565.499.167</b>	<b>1.064.565.499.167</b>	<b>1.941.845.406.282</b>	<b>1.629.159.242.156</b>	<b>751.879.335.041</b>	<b>751.879.335.041</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số dư vay ngắn hạn gồm các ngân hàng chủ yếu sau:

a> Vay ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngân hàng SINOPAC - CN HCM	55.261.510.079	23.883.585.815
Ngân hàng Standard Chartered - CN HCM	44.436.762.859	25.974.456.750
Ngân hàng TMCP Công Thương KCN Biên Hòa	173.450.131.884	137.576.489.822
Ngân Hàng TMCP Phát Triển TP.HCM – CN SGD Đồng Nai	38.581.811.991	49.969.841.008
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Đồng Nai	62.962.497.770	66.394.572.243
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN Hà Thành	80.790.174.409	62.802.812.967
Ngân Hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - CN Đồng Nai	49.806.920.412	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN HCM	100.729.166.667	95.117.870.660
Ngân hàng BPCEIOM Chi nhánh Tp.HCM	31.954.577.417	15.890.270.417
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN TPHCM	43.566.779.731	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Nam	58.944.771.642	35.469.854.000
Các đối tượng khác	74.068.271.466	156.782.388.645
<b>Cộng</b>	<b>814.553.376.327</b>	<b>669.862.142.327</b>

b> Vay dài hạn đến hạn trả

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - CN TPHCM	9.915.764.768	76.984.866
Ngân hàng SINO PAC TP.HCM	12.759.246.420	-
VietinBank - Chi nhánh 12	1.919.160.000	5.523.480.000
Shinhanbank - Chi nhánh Hà Nội	3.669.486.260	3.669.486.260
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN HCM	3.712.195.661	4.632.000.000
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	60.900.000.000	42.000.000.000
Các đối tượng khác	4.669.612.000	1.036.611.996
<b>Cộng</b>	<b>97.545.465.109</b>	<b>56.938.563.122</b>

c> Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TPHCM	20.661.262.004	6.554.470.610
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Chailease	9.520.181.478	8.146.012.285
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	12.561.905.769	5.860.844.650
Công ty CTTC TNHH MTV NH TMCP Công Thương Việt Nam -	84.024.880	480.529.647
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	9.914.283.600	4.036.772.400
<b>Cộng</b>	<b>52.741.657.731</b>	<b>25.078.629.592</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thông tin về các hợp đồng vay ngắn hạn có số dư lớn như sau:

### **<1> Khoản vay ngân hàng Sinopac – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh**

Hợp đồng tín dụng số 161033 ngày 05 tháng 10 năm 2016 có hạn mức tín dụng là 2.500.000 USD hoặc một khoản tương đương bằng đồng tiền tùy chọn. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động, thanh toán các khoản nhập mua nguyên vật liệu. Khoản vay ngắn hạn có thời hạn 06 tháng từ ngày nhận nợ. Lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân theo thông báo của Ngân hàng.

### **<2> Khoản vay Ngân hàng Standard Chartered – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh**

Bản sửa đổi thư cấp hạn mức tín dụng SBFL/042015-383 ngày 10 tháng 04 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 2.000.000 USD. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động thanh toán các khoản nhập khẩu nguyên vật liệu với kỳ hạn tối đa 120 ngày. Lãi suất được áp dụng theo chi phí huy động vốn của Ngân hàng cộng biên độ tối thiểu 3%/năm trong đó chi phí huy động vốn áp dụng sẽ được cập nhật và thông báo cho Công ty tại từng thời điểm. Biện pháp đảm bảo của Thư hạn mức tín dụng là các Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu, Hợp đồng thế chấp hàng hoá, Hợp đồng cầm cố và bù trừ tài khoản.

### **<3> Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – KCN Biên Hoà**

Hợp đồng tín dụng số 2016-HĐTĐHM/NHCT682-NHUA-ĐN ngày 29 tháng 7 năm 2016. Hạn mức vay là 200.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay của Công ty là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa và các sản phẩm từ nhựa. Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất ngày được ghi theo từng giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp (i) Hợp đồng thế chấp số 01/NĐN/2013/HĐTCC (ii) Hợp đồng thế chấp số 02/NĐN/2013/HĐTCC (iii) Hợp đồng thế chấp số 03/NĐN/2013/HĐTCC (iv) Hợp đồng cầm cố số 01-NHUA-2015/HĐCC (v) Hợp đồng cầm cố số 02-NHUA-2015/HĐCC (vi) Hợp đồng thế chấp số 01-2016-HTK-NHUA-ĐN/HĐTCC.

### **<4> Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh – Chi nhánh Đồng Nai**

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1405/2016/HĐTĐHM-DN/135 ngày 31 tháng 10 năm 2016. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C nhập khẩu, bảo lãnh trong nước và chiết khấu BCT phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các loại ống, phụ kiện ngành nước, bao bì, túi nilon nhựa. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 21/12/2016. Lãi suất áp dụng được quy định cụ thể trong từng kế ước giải ngân.

### **<5> Công ty vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Đồng Nai**

Hợp đồng tín dụng số 200-91/15/VAB/HĐHMDN ngày 09/10/2015. Hạn mức cho vay tín dụng là: 200.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương với kỳ hạn: 11 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh ngành nhựa. Lãi suất áp dụng trong hợp đồng: 11%/năm đối với tiền VND và 5%/năm đối với USD. Biện pháp đảm bảo của hợp đồng là cổ phiếu Cổ phiếu Công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP Viwaseen thuộc sở hữu của công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung, Cổ phiếu Công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP Viwaseen thuộc sở hữu của công ty CP Nhựa Đồng Nai, Cổ phiếu Công ty CP Nhựa Đồng Nai thuộc sở hữu của ông Vũ Đình Độ và bà Nguyễn Thị Hạnh (vợ ông Độ) với số lượng là 1.338.345 cổ phiếu.

### **<6> Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành**

Hợp đồng tín dụng số 16/2344014-NH/0332 ngày 01 tháng 09 năm 2016. Hạn mức tín dụng của hợp đồng là 200.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn của khoản vay là không quá 06 tháng kể từ ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## **THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

### **<7> Khoản vay Ngân hàng TCMP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Đồng Nai**

Hợp đồng cấp tín dụng số 0025/2017/HĐTMHM-DN/PGBank ĐNI ngày 07/05/2017 với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng đến ngày 17/02/2018 với thời hạn mỗi khoản vay không quá 06 tháng. Mục đích vay của Công ty là bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh. Lãi suất được áp dụng theo từng lần giải ngân

### **<8> Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh**

Hợp đồng tín dụng số 01/CV-158/KHDN1/17NH ngày 25/07/2017 với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 VND với Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay. Thời hạn cho vay mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày ngân hàng giải ngân vốn vay và được ghi nhận trên Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay áp dụng là lãi suất thả nổi, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VCB từng thời kỳ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là từ ngày Hợp đồng có hiệu lực cho tới ngày 31 tháng 07 năm 2018. Biện pháp đảm bảo là 01 Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai TUCSON, biển số 52A-324.83.

### **<9> Khoản vay ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh**

Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số FCA-000435-2017 ngày 20 tháng 12 năm 2017 với Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Hạn mức tín dụng với mức dư nợ tối đa là 1.500.000 USD. Mục đích vay đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của bên vay, thời hạn cấp hạn mức tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay được áp dụng bằng chi phí vốn của ngân hàng + 2,2%/năm, trong đó chi phí vốn sẽ được quyết định dựa trên lãi suất thị trường tại thời điểm rút vốn vay. Biện pháp đảm bảo là (i) Hàng tồn kho luân chuyển và khoản phải thu với giá trị tối thiểu tương đương 110% tổng các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, (ii) Chuyển giao quyền thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm hàng tồn kho thế chấp cho Ngân hàng với giá trị tối thiểu tương đương 750.000USD.

### **<10> Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh**

Hợp đồng số 068/2017/HĐHM/CMB ký ngày 20/06/2017 với Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa là 06 tháng. Lãi suất và phương thức điều chỉnh lãi suất áp dụng được Bên ngân hàng thông báo cho công ty mỗi lần vay vốn được ghi nhận cụ thể trong các kế ước nhận nợ.

### **<11> Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam**

Hợp đồng tín dụng số 29/2017-HĐCVHM/NHCT428-ĐNMT ngày 12 tháng 06 năm 2017 với Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung. Hạn mức cho vay là 60.000.000.000 VND bao gồm cả các khoản vay của hợp đồng số 826/2016- HĐTDHM/NHCT482-DNMT ngày 04/08/2016 và có hiệu lực giải ngân đến ngày 31/05/2018. Mục đích khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ không quá 04 tháng. Lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng. Hợp đồng được bảo đảm bằng thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai với giá trị 60 tỷ đồng, quyền đòi nợ luân chuyển có giá trị 120 tỷ đồng, hàng tồn kho luân chuyển 23 tỷ đồng và các tài sản cố định khác.

### **<12> Các đối tượng khác**

Là các khoản vay các ngân hàng khác có số dư nhỏ.

### **<13> Các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính đến hạn trả**

Các khoản vay dài hạn đến hạn trả, nợ thuê tài chính đến hạn trả của các hợp đồng vay dài hạn và thuê tài chính được thuyết minh tại mục 5.20.2

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.20.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>1&gt; Vay dài hạn</b>	<b>748.216.247.491</b>	<b>748.216.247.491</b>	<b>279.265.879.368</b>	<b>110.129.446.699</b>	<b>579.079.814.822</b>	<b>579.079.814.822</b>
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	17.932.993.996	17.932.993.996	39.813.477.804	41.797.370.724	19.916.886.916	19.916.886.916
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	32.575.445.327	32.575.445.327	15.157.948.547	10.431.051.218	27.848.547.998	27.848.547.998
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	5.456.250.000	5.456.250.000		5.080.137.179	10.536.387.179	10.536.387.179
Tại Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	478.134.904.271	478.134.904.271	10.177.799.120	52.820.887.578	520.777.992.729	520.777.992.729
Tại Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước DNP Bắc Giang	214.116.653.897	214.116.653.897	214.116.653.897	-	-	-
<b>2&gt; Nợ thuê tài chính</b>	<b>115.307.927.942</b>	<b>115.307.927.942</b>	<b>265.580.614.759</b>	<b>214.695.642.573</b>	<b>64.422.955.756</b>	<b>64.422.955.756</b>
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	29.765.623.414	29.765.623.414	41.789.154.671	22.046.720.221	10.023.188.964	10.023.188.964
Tại Công ty CP Nhựa Tân Phú	85.542.304.528	85.542.304.528	223.791.460.088	192.648.922.352	54.399.766.792	54.399.766.792
<b>3&gt; Trái phiếu</b>	<b>99.527.777.779</b>	<b>99.527.777.779</b>	<b>99.575.000.000</b>	<b>100.047.222.221</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>
Tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai	99.527.777.779	99.527.777.779	99.575.000.000	100.047.222.221	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>963.051.953.212</b>	<b>963.051.953.212</b>	<b>644.421.494.127</b>	<b>424.872.311.493</b>	<b>743.502.770.578</b>	<b>743.502.770.578</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số dư các khoản vay và nợ dài hạn gồm các ngân hàng chủ yếu sau:

a> Vay dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - CN TPHCM	9.945.864.782	692.863.794
Ngân hàng SINO PAC TP.HCM	6.379.623.208	16.735.738.447
Ngân hàng TMCP Công thương VN	214.116.653.897	1.919.160.000
Shinhanbank - Chi nhánh Hà Nội	4.586.857.797	8.256.344.057
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN HCM	13.503.587.530	6.933.043.941
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	469.055.105.151	520.777.992.729
Các đối tượng khác	30.628.555.126	23.764.671.854
<b>Cộng</b>	<b>748.216.247.491</b>	<b>579.079.814.822</b>

b> Nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TPHCM	52.218.795.845	9.578.120.372
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Chailease	9.957.934.241	10.805.290.900
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	24.486.771.671	10.907.128.719
Công ty CTTC TNHH MTV NH TMCP Công Thương Việt Nam -	-	84.024.880
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	28.644.426.185	33.048.390.885
<b>Cộng</b>	<b>115.307.927.942</b>	<b>64.422.955.756</b>

Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn:

<1> Khoản vay Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Thư đề nghị số MBB/HCMC/LO/2016/DNP/01 ngày 25 tháng 07 năm 2016 với hạn mức của khoản vay là 2.950.000 USD với thời hạn tối đa là 03 năm. Mục đích vay là để nhập máy móc thiết bị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất theo thông báo của Ngân hàng và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng bao gồm (i) Tiền đặt cọc 10% tổng giá trị Hợp đồng mua máy móc thiết bị (ii) thế chấp tài sản cố định là máy móc thiết bị được tài trợ bởi Ngân hàng.

<2> Khoản vay Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Hợp đồng tín dụng số 162004 ngày 16 tháng 03 năm 2016 với hạn mức tín dụng của khoản vay là 1.500.000 USD hoặc một khoản tiền tương đương bằng đồng tiền tùy chọn. Mục đích của khoản vay đầu tư mua máy móc và thiết bị. Lãi suất áp dụng theo thông báo của Ngân hàng được điều chỉnh 03 tháng/lần. Biện pháp bảo đảm của hợp đồng này các máy móc và thiết bị được tài trợ dưới khoản tín dụng này.

<3> Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hợp đồng tín dụng số 31/HĐTD ngày 20/04/2011 với Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Số tiền cho vay là 37.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư xây dựng xưởng sản xuất tại xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An. Lãi suất áp dụng cho vay được quy định theo từng lần giải ngân và điều chỉnh 3 tháng/lần. Hình thức đảm bảo khoản vay bao gồm (i) Bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai – tài sản hình thành từ vốn vay của dự án, và (ii) quyền sử dụng đất ở số T02330 ngày 16/6/2008 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cùng tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai tọa lạc tại xã

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà tỉnh Long An. Số dư khoản vay tại 31/12/2017 là 1.919.160.000 VND và phải trả toàn bộ trong vòng 12 tháng tới.

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 106AHTTD/2017-HDDCVADDDT/NHCT122-DNPBACGIANG ngày 26/07/2017 với Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Bắc Giang với tổng hạn mức là 550.000.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư dự án Nhà máy Nước sạch DNP - Bắc Giang Thời hạn cho vay 162 tháng kể từ ngày giải ngân khoản đầu tiên. Lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được bảo đảm bằng giá trị tài sản hình thành sau đầu tư. Số dư tại thời điểm 31/12/2017 là 214.116.653.897 đồng.

### **<4> Khoản vay ngân hàng Shinhan Bank Việt Nam**

Hợp đồng tín dụng số 130-000-256-280 ngày 16 tháng 1 năm 2015. Số tiền cho vay là 18.000.000.000 VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán chi phí xây dựng, mua trang thiết bị, cơ sở hạ tầng cho dự án Xây dựng Nhà máy Nhựa Tân Phú tại Bắc Ninh. Lãi suất cho vay là lãi tiền gửi 6 tháng cộng 3%/năm, áp dụng cho từng lần rút vốn vay và được điều chỉnh 06 tháng một lần kể từ ngày giải ngân. Thời hạn cho vay là 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng này được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo: (i) Máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Bên vay, (ii) Nhà xưởng hình thành từ vốn vay tại Ngân hàng trên thửa đất số 327, tờ bản đồ số 4 thuộc Cụm Công nghiệp Xuân Lâm, xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh và (ii) Bảo lãnh cá nhân trị giá 18.000.000.000 VND của ông Ngô Đức Trung (Phó tổng giám đốc bên vay) dưới dạng Hợp đồng bảo lãnh. Số dư khoản vay tại ngày 31/12/2017 là 8.256.344.057 VND trong đó khoản phải trả trong vòng 12 tháng tới là 3.669.486.260 VND.

### **<5> Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh**

Hợp đồng tín dụng số 0024/ĐTDA/15CD ngày 7 tháng 7 năm 2015 với Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Hạn mức cho vay tối đa là 14.477.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư thiết bị máy móc thiết bị và khuôn mẫu sản xuất bình PET 19 lít, chai PET 5 lít, nắp và quai chai 5 lít. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng bằng VND cộng biên độ được điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc Dự án được quy định trong hợp đồng vay. Số dư khoản vay tại 31/12/2017 là 8.477.043.941 VND trong đó khoản phải trả trong vòng 12 tháng tới là 3.088.000.000 VND.

Hợp đồng tín dụng số 01/TDH-0158/KHDN/17NH ký ngày 25/7/2017 với Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Hạn mức cho vay tối đa là 73.766.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay để tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư TSCĐ theo kế hoạch của Công ty. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng bằng VND cộng biên độ được điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc Dự án được quy định trong hợp đồng vay. Số dư khoản vay tại 31/12/2017 là 8.738.739.250 VND trong đó khoản phải trả trong vòng 12 tháng tới là 624.195.661 VND.

### **<6> Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang**

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Tiền Giang theo hợp đồng tín dụng ngày 30/05/2008. được sửa đổi gần nhất theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 06/2015/HĐSDBS – NHPT ngày 31/12/2015. Hạn mức vay là 765.626.000.000 đồng. Thời hạn vay 20 năm đến tháng 08/2028 trong đó thời gian ân hạn là 2 năm. Lãi suất vay trong hạn là 8.4%/năm. Mục đích vay để đầu tư các hạng mục xây dựng và lắp đặt thiết bị của dự án B.O.O Nhà máy nước Đồng.

Tâm và hệ thống chuyển tải tỉnh Tiền Giang với công suất 90.000 m<sup>3</sup>/ngày. Khoản vay được đảm bảo bởi toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư và có giá trị quyền sử dụng đất tại Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang.

### **<7> Các hợp đồng thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê tài chính với các công ty cho thuê tài chính nhằm đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh với thời hạn thuê từ 36 - 60 tháng, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng và được điều chỉnh 3 - 6 tháng/lần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Trái phiếu tại Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai**

1. Trái phiếu thường phát hành cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Dịch vụ khách hàng đặc biệt để bổ sung vốn lưu động, tái cơ cấu các khoản nợ.

Thông tin chi tiết về trái phiếu này như sau:

Thời điểm phát hành	: 25/05/2016.
Kỳ hạn gốc	: 36 tháng
Kỳ hạn còn lại	: 23 tháng
Số lượng trái phiếu phát hành	: 100 trái phiếu
Mệnh giá	: 1.000.000.000 VND
Lãi suất	: 7,4% /năm đầu tiên, từ năm thứ 2 bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng cộng 3,5%.
Thời hạn thanh toán	: Trả gốc 1 lần đáo hạn hoặc vào ngày mua lại trái phiếu trước hạn
Tài sản bảo đảm	: Trái phiếu được bảo đảm bằng máy móc thiết bị và công trình tại 02 nhà máy nước của Công ty CP Bình Hiệp, lô đất A6 – A7, p. Xuân An, Phan Thiết, Bình Thuận thuộc sở hữu của Công ty CP Bình Hiệp và đây chuyển sản xuất ống nhựa HDPE của Công ty CP Nhựa Đồng Nai.

Chi phí phát hành trái phiếu là 1.000.000.000 đồng. Giá trị chi phí phát hành trái phiếu còn lại chưa phân bổ tại thời điểm 31/12/2017 là 472.222.221 đồng được điều chỉnh giảm vào mệnh giá trái phiếu.

2. Trái phiếu thường phát hành cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động, tái cơ cấu các khoản nợ.

Thông tin chi tiết về trái phiếu này như sau:

Thời điểm phát hành	: 31/05/2017
Kỳ hạn gốc	: 18 tháng
Kỳ hạn còn lại	: 17 tháng
Số lượng trái phiếu phát hành	: 100 trái phiếu
Mệnh giá	: 1.000.000.000 VND
Lãi suất	: 8,5%/06 tháng (06 kì tính lãi) đầu tiên; Các kì tính lãi tiếp theo, lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng cộng 3,25%
Thời hạn thanh toán	: Trả gốc 1 lần đáo hạn hoặc vào ngày mua lại trái phiếu trước hạn
Tài sản bảo đảm	: A): Cổ phần Công ty Cổ phần Bình Hiệp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP (DNP Water) với tổng giá trị theo mệnh giá tối thiểu là 30.338.320.000 đồng, tương ứng với số lượng cổ phần tối thiểu là 3.033.832 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) (B): Cổ phần Công ty Cổ phần Nhà Máy nước Đồng Tâm thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP (DNP Water) với tổng giá trị theo mệnh giá tối thiểu là 205.032.300.000 đồng, tương ứng với số lượng cổ phần tối thiểu là 2.050.323 cổ phần (mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần).
Chi phí phát hành	: 450.000.000 đồng

Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam sẽ đáo hạn trong vòng 12 tháng tới nên được phân loại sang nợ ngắn hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 5.21 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

#### 5.21.1 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lợi nhuận chưa thực hiện	-	326.675.799
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>326.675.799</b>

#### 5.21.2 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản đánh giá giá trị hợp lý tại thời điểm mua Công ty con theo thuế suất 20%	26.983.689.902	28.802.399.318
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản đánh giá giá trị hợp lý tại thời điểm mua Công ty con theo thuế suất 10%	27.147.733.599	-
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>54.131.423.501</b>	<b>28.802.399.318</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.22 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)**

**5.22.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại 01/01/2016</b>	<b>135.071.410.000</b>	<b>16.905.000.000</b>	<b>11.782.176.721</b>	<b>(342.000)</b>	<b>25.035.999.802</b>	<b>40.291.857.999</b>	<b>36.898.089.034</b>	<b>265.984.191.556</b>
Tăng vốn trong năm trước	110.961.780.000	12.250.000.000	-	-	-	-	-	123.211.780.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	86.349.755.611	10.077.740.953	96.427.496.564
Tăng do mua Công ty con	-	-	-	-	-	1.413.627	78.519.590.347	78.521.003.974
Tăng do điều chỉnh quyết toán thuế năm 2015	-	-	-	-	-	556.584.057	275.756.628	832.340.685
Tăng khác	-	-	-	-	-	9.038.179	3.534.711	12.572.890
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	2.020.774.833	(2.176.919.821)	(134.648.696)	(290.793.684)
Chênh lệch khi mua bổ sung cổ phiếu công ty con	-	-	-	-	-	(4.758.558.965)	-	(4.758.558.965)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	29.713.090.000	-	4.012.040.000	-	-	(33.725.130.000)	-	-
Chia cổ phiếu thưởng	24.309.960.000	-	-	-	(24.309.960.000)	-	-	-
Trả cổ tức 2015 bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(3.819.254.600)	(3.819.254.600)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(411.075.479)	(1.000.045.363)	(1.411.120.842)
								-
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>300.056.240.000</b>	<b>29.155.000.000</b>	<b>15.794.216.721</b>	<b>(342.000)</b>	<b>2.746.814.635</b>	<b>86.136.965.208</b>	<b>120.820.763.014</b>	<b>554.709.657.578</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.22.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu (tiếp)**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại 01/01/2017</b>	<b>300.056.240.000</b>	<b>29.155.000.000</b>	<b>15.794.216.721</b>	<b>(342.000)</b>	<b>2.746.814.635</b>	<b>86.136.965.208</b>	<b>120.820.763.014</b>	<b>554.709.657.578</b>
Tăng vốn trong năm nay	121.024.730.000	(152.100.000)	-	-	-	-	200.695.189.650	321.567.819.650
Lãi (lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-	83.349.319.194	(10.848.811.396)	72.500.507.798
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	400.539.514	150.810.979	551.350.493
Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	2.294.073.250	(2.294.073.250)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(107.242.173)	(92.478.273)	(199.720.446)
Tăng/ (giảm) liên quan đến nghiệp vụ mua/ bán Công ty con	-	-	(9.632.835.372)	-	(4.314.847.754)	54.624.693.873	(22.011.406.294)	18.665.604.453
Chia cổ tức	75.011.750.000	-	-	-	-	(75.011.750.000)	(3.088.068.000)	(3.088.068.000)
Chia cổ phiếu thưởng	4.000.000.000	-	6.595.847.096	-	-	(10.593.791.606)	(2.055.490)	-
Lợi ích đầu tư Công ty CP Cấp thoái nước Bình Thuận ghi thẳng VCSH	-	-	-	-	-	2.077.308.465	1.641.380.779	3.718.689.244
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>500.092.720.000</b>	<b>29.002.900.000</b>	<b>12.757.228.445</b>	<b>(342.000)</b>	<b>726.040.131</b>	<b>138.581.969.225</b>	<b>287.265.324.969</b>	<b>968.425.840.770</b>

Khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2017 không được phân phối lợi nhuận gồm:

	Số tiền VND
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	482.361.601
Tăng/ (giảm) liên quan đến nghiệp vụ mua/ bán Công ty con	54.624.693.873
Chênh lệch đánh giá lại khoản đầu tư liên kết khi mua chi phối	7.348.780.857
<b>Cộng</b>	<b>62.455.836.331</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017 <i>VND</i>	Năm 2016 <i>VND</i>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	300.056.240.000	135.071.410.000
Vốn góp tăng trong năm	200.036.480.000	164.984.830.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	500.092.720.000	300.056.240.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	75.011.750.000	33.725.130.000
<i>Trong đó chia bằng cổ phiếu</i>	<i>75.011.750.000</i>	<i>33.725.130.000</i>

**5.22.3 Cổ phiếu**

	31/12/2017 <i>Cổ phiếu</i>	01/01/2017 <i>Cổ phiếu</i>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>50.009.272</b>	<b>30.005.624</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>50.009.272</b>	<b>30.005.624</b>
Cổ phiếu phổ thông	50.009.272	30.005.624
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu quỹ</b>	<b>10</b>	<b>10</b>
Cổ phiếu phổ thông	10	10
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>50.009.262</b>	<b>30.005.614</b>
Cổ phiếu phổ thông	50.009.262	30.005.614
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	1.504.975.838.829	1.454.701.771.902
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.301.286.513	571.008.385
Doanh thu khác	525.947.049	1.932.305.663
<b>Cộng</b>	<b>1.506.803.072.391</b>	<b>1.457.205.085.950</b>

#### 6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	550.108.856	492.172.300
Giảm giá hàng bán	179.346.018	7.115.055
Hàng bán bị trả lại	1.313.256.684	2.002.730.389
<b>Cộng</b>	<b>2.042.711.558</b>	<b>2.502.017.744</b>

#### 6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.213.417.983.997	1.121.416.015.061
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.757.904.088	(24.310.799)
<b>Cộng</b>	<b>1.215.175.888.085</b>	<b>1.121.391.704.262</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.219.495.014	3.252.736.220
Lãi bán các khoản đầu tư <1>	96.193.337.649	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.194.469.838
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.907.037.974	3.891.622.989
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	485.467.078	-
Chênh lệch đánh giá lại khoản đầu tư vào Bình Hiệp khi DNP Water mua chỉ phối lại <2>	7.348.780.857	-
	<b>114.154.118.572</b>	<b>9.338.829.047</b>

<1> Khoản lợi nhuận ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất là lợi nhuận bán cổ phiếu Công ty Cổ phần Bình Hiệp cho các đối tượng khác trong 6 tháng đầu năm 2017.

<2> Tại thời điểm mua chỉ phối Công ty Cổ phần Bình Hiệp, Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP đã thực hiện đánh giá lại khoản đầu tư liên kết tại Công ty Cổ phần Bình Hiệp theo giá trị hợp lý được xác định theo chứng từ thẩm định giá số N174605B/CENVALUE-CTTĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế kỷ.

**6.5 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	118.151.321.013	66.127.619.537
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	140.451.083	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	167.200.000	595.032.391
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.234.191.931	2.289.073.117
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.105.477	663.559.447
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh và tổn thất đầu tư	(231.800.000)	31.800.000
Chi phí tài chính khác	943.012.552	613.472.475
<b>Cộng</b>	<b>123.407.482.056</b>	<b>70.320.556.967</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6.6 Chi phí bán hàng**

	Năm 2017	Năm 2016
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí nhân viên	18.697.933.974	7.866.388.304
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.753.833.830	1.227.901.891
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.516.387.492	2.512.024.781
Chi phí bảo hành	113.993.211	(877.001.142)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.550.783.785	26.054.639.562
Chi phí bằng tiền khác	7.136.925.424	10.279.508.807
<b>Cộng</b>	<b>67.769.857.716</b>	<b>47.063.462.203</b>

**6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017	Năm 2016
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	59.413.570.421	45.049.731.488
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.286.178.020	2.742.317.546
Chi phí khấu hao TSCĐ	28.027.198.893	14.902.918.582
Thuế, phí và lệ phí	371.170.908	49.265.543
Chi phí dự phòng	1.876.728.408	12.972.700.682
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.724.583.117	6.948.966.463
Chi phí bằng tiền khác	29.500.792.254	31.443.453.676
<b>Cộng</b>	<b>132.200.222.021</b>	<b>114.109.353.980</b>

**6.8 Thu nhập khác**

	Năm 2017	Năm 2016
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.562.269.295	8.796.177.344
Các khoản khác	5.787.599.921	884.245.558
<b>Cộng</b>	<b>7.349.869.216</b>	<b>9.680.422.902</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6.9 Chi phí khác**

	Năm 2017	Năm 2016
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phạt vi phạm hành chính	641.713.792	406.169.247
Vật tư bán thanh lý tại Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	2.322.752.368	-
Chi phí xử lý phế thải	4.289.256.000	-
Các khoản khác	2.176.384.123	2.095.514.328
<b>Cộng</b>	<b>9.430.106.283</b>	<b>2.501.683.575</b>

**6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2017	Năm 2016
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	13.707.701.951	3.661.231.703
Chi phí thuế TNDN hiện tại tại công ty con	2.983.339.167	16.281.935.480
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>16.691.041.118</b>	<b>19.943.167.183</b>

**6.11 Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Năm 2017	Năm 2016
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản đánh giá lại giá trị hợp lý của Công ty con tại thời điểm mua	(2.518.029.792)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ lợi nhuận chưa thực hiện năm trước	326.675.799	(326.675.799)
Do hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn Công ty con, Công ty liên kết	-	663.335.420
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(1.757.293.634)
<b>Cộng</b>	<b>(2.191.353.993)</b>	<b>(1.420.634.013)</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	83.349.319.194	86.349.755.611
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	83.349.319.194	86.349.755.611
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	42.584.973	30.148.583
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.957</b>	<b>2.864</b>

Trong năm, Công ty có thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu và chia cổ phiếu thưởng ESOP cho người lao động với tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 7.901.175 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu này đã được điều chỉnh hồi tố năm trước để phù hợp so sánh.

**6.13 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	83.349.319.194	86.349.755.611
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	83.349.319.194	86.349.755.611
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	42.584.973	30.148.583
Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành từ nguồn vốn CSH		
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.957</b>	<b>2.864</b>

Trong năm, Công ty có thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu và chia cổ phiếu thưởng ESOP cho người lao động với tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 7.901.175 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu này đã được điều chỉnh hồi tố năm trước để phù hợp so sánh.

**6.14 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân công	170.993.657.420	129.712.001.410
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	922.221.260.116	882.894.090.751
Chi phí khấu hao tài sản cố định	159.919.842.259	84.869.486.551
Thuế, phí, lệ phí	371.170.908	61.322.816
Chi phí dự phòng	1.876.728.408	13.057.760.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	159.348.913.732	151.143.409.118
<b>Cộng</b>	<b>1.414.731.572.842</b>	<b>1.261.738.070.988</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	189.771.192.870	59.412.353.929

**7.2 Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền gửi thanh toán ký quỹ để mở các thư tín dụng và đảm bảo các hợp đồng vay, thuê tài chính	13.523.450.000	2.802.758.550
Trong đó:		
USD	23.500	117.536

**7.3 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.976.957.897.934	1.444.447.221.973
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	99.550.000.000	99.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.076.507.897.934</b>	<b>1.543.447.221.973</b>

**7.4 Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.622.820.551.499	1.225.092.784.769
<b>Cộng</b>	<b>1.622.820.551.499</b>	<b>1.225.092.784.769</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

---

### **8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### ***i. Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

##### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

##### ***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

##### ***Rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

##### ***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	1.064.565.499.167	963.051.953.212	-	2.027.617.452.379
Phải trả người bán	108.063.763.331	-	-	108.063.763.331
Chi phí phải trả	12.346.505.793	-	-	12.346.505.793
Phải trả khác	77.782.621.030	575.421.179.569	-	653.203.800.599
<b>Cộng</b>	<b>1.262.758.389.321</b>	<b>1.538.473.132.781</b>	<b>-</b>	<b>2.801.231.522.102</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	751.879.335.041	743.502.770.578	-	1.495.382.105.619
Phải trả người bán	69.522.175.440	-	-	69.522.175.440
Chi phí phải trả	6.543.956.407	-	-	6.543.956.407
Phải trả khác	7.006.562.025	316.668.910.279	-	323.675.472.304
<b>Cộng</b>	<b>834.952.028.913</b>	<b>1.060.171.680.857</b>	<b>-</b>	<b>1.895.123.709.770</b>

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

### iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Giá gốc VND	31/12/2017 Dự phòng VND	Giá gốc VND	01/01/2017 Dự phòng VND	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	307.873.206.677	-	154.838.423.715	-	307.873.206.677	154.838.423.715
Phải thu khách hàng	340.343.097.622	(35.020.440.164)	317.193.910.698	(33.209.853.831)	305.322.657.458	283.984.056.867
Phải thu về cho vay	810.000.000	(610.000.000)	32.297.314.606	(610.000.000)	200.000.000	31.687.314.606
Phải thu khác	79.664.224.121	(1.789.904.445)	35.062.335.327	(1.789.904.445)	77.874.319.676	33.272.430.882
Đầu tư tài chính	283.422.691.397	-	145.645.752.000	(231.800.000)	283.422.691.397	145.413.952.000
	<b>1.012.113.219.817</b>	<b>(37.420.344.609)</b>	<b>685.037.736.346</b>	<b>(35.841.558.276)</b>	<b>974.692.875.208</b>	<b>649.196.178.070</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay và nợ	2.027.617.452.379	-	1.495.382.105.619	-	2.027.617.452.379	1.495.382.105.619
Phải trả người bán	108.063.763.331	-	69.522.175.440	-	108.063.763.331	69.522.175.440
Chi phí phải trả	12.346.505.793	-	6.543.956.407	-	12.346.505.793	6.543.956.407
Phải trả khác	653.203.800.599	-	323.660.071.804	-	653.203.800.599	323.660.071.804
	<b>2.801.231.522.102</b>	<b>-</b>	<b>1.895.108.309.270</b>	<b>-</b>	<b>2.801.231.522.102</b>	<b>1.895.108.309.270</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được thực hiện như sau:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác cũng như các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2017 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

	Số tiền VND
Tiền lương, tiền thưởng của Ban điều hành gồm cả các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát kiêm nhiệm	6.961.100.000

**9.1.2 Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền VND
Công ty CP Quản lý đầu tư DNP	Công ty có vốn góp	Góp vốn	63.650.000.000
		Hợp tác đầu tư theo hợp đồng HTKD	100.000.000.000

Số dư các bên liên quan khác tại 31/12/2017:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	31/12/2017 VND
Công ty CP Quản lý đầu tư DNP	Công ty thành viên	Phải trả khác	100.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

---

### **9.2 Thông tin về bộ phận**

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty phân loại hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty thành viên gồm 2 ngành chính theo lĩnh vực kinh doanh:

- Ngành nhựa gồm kinh doanh ống, bao bì nilong và nhựa công nghiệp.
- Ngành nước – Sản xuất và kinh doanh nước sạch

Hoạt động kinh doanh của Công ty về mặt địa lý gồm:

- Hoạt động kinh doanh trong nước
- Hoạt động kinh doanh xuất khẩu

Công ty lập báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 9.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2017			Năm 2016		
	Ngành nhựa	Ngành nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp	Ngành nhựa	Ngành nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.389.792.218.421	114.968.142.412	1.504.760.360.833	1.386.587.280.421	68.115.787.785	1.454.703.068.206
2. Khấu hao TSCĐ	76.005.111.872	60.424.192.628	136.429.304.500	48.467.653.434	16.631.702.759	65.099.356.193
3. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	246.132.778.556	43.451.694.192	289.584.472.748	213.184.718.870	27.436.375.165	240.621.094.035

### 9.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Năm 2017			Năm 2016		
	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.172.472.526.040	332.287.834.793	1.504.760.360.833	1.146.755.461.142	307.947.607.064	1.454.703.068.206



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI  
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**9.3 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.

**9.4 Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Văn Hiếu  
Tổng Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Hoàng Anh Tuấn  
Kế toán trưởng

Trần Thái Sơn  
Người lập biểu